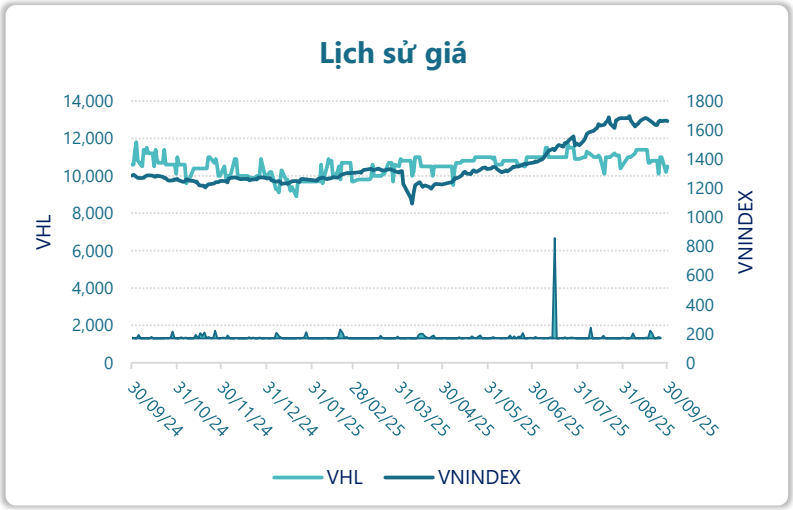
FireAnt

CTCP Viglacera Hạ Long (HNX: VHL)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
SL cổ phiếu LH	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,370
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	263
P/E	49.3
EPS	213

DT thuần

Q3/25

278

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.0| -4.6%

YoY: ▼4.00| -1.5%

LN sau thuế

Q3/25

9.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.65| -6.1%

YoY: ▲ 36.3| 138%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.2%

+/- YoY: ▲ 12.8%

DT thuần

9T 2025

820

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00| 0.9%

LN sau thuế

9T 2025

20.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 71.7| 141%

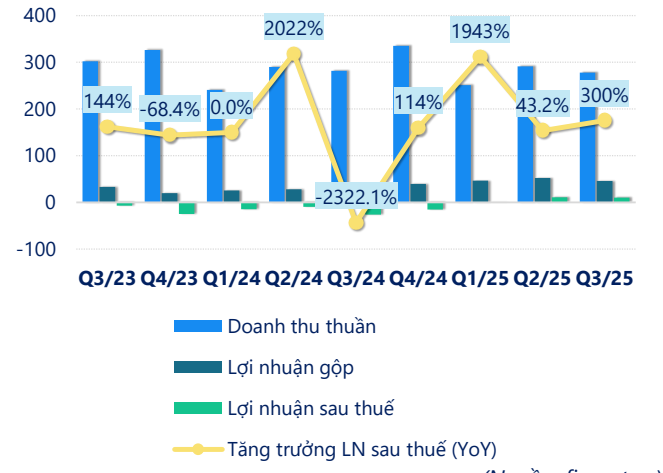
ROE

Q3/25

1.1%

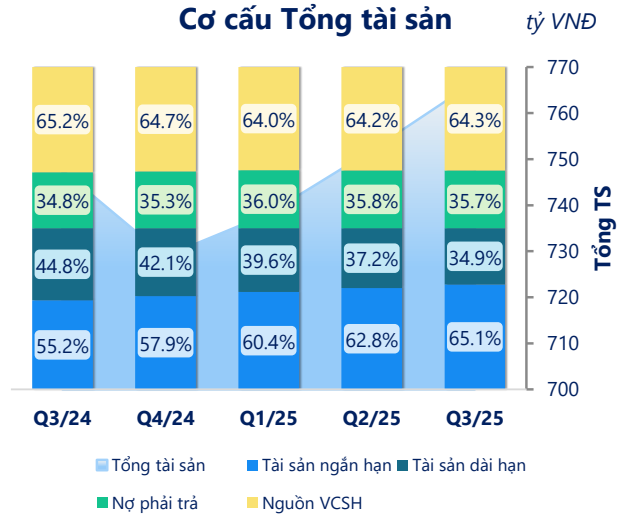
+/- YoY: ▲ 15.5%

Kết quả kinh doanh



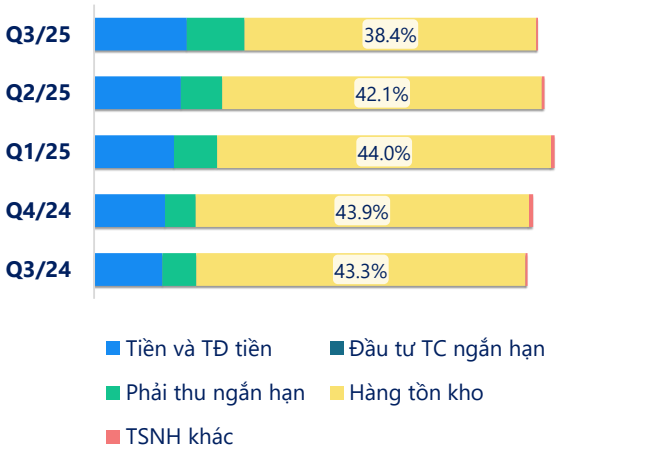
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



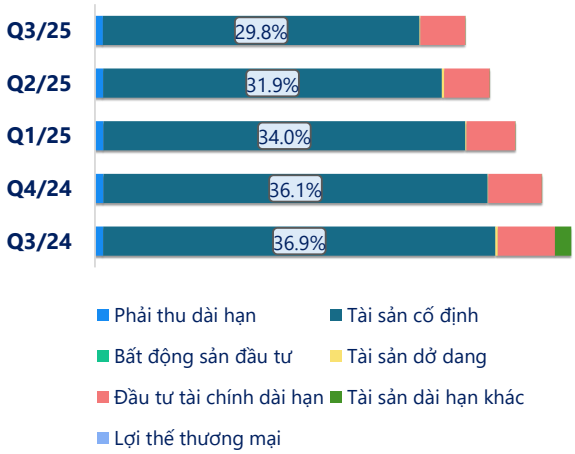
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



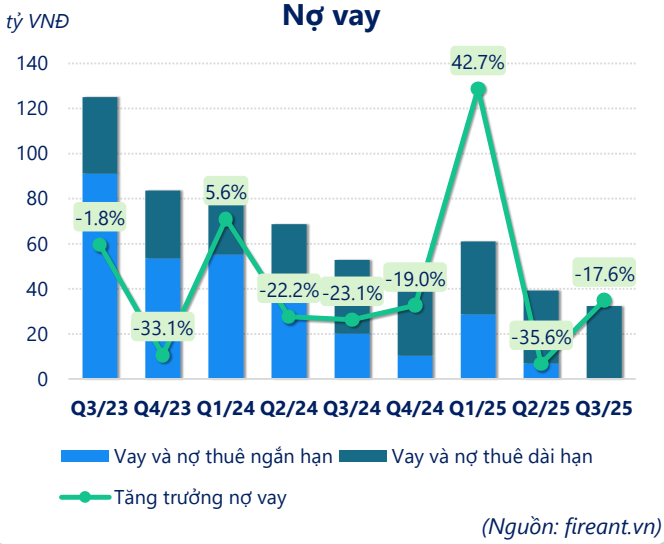
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



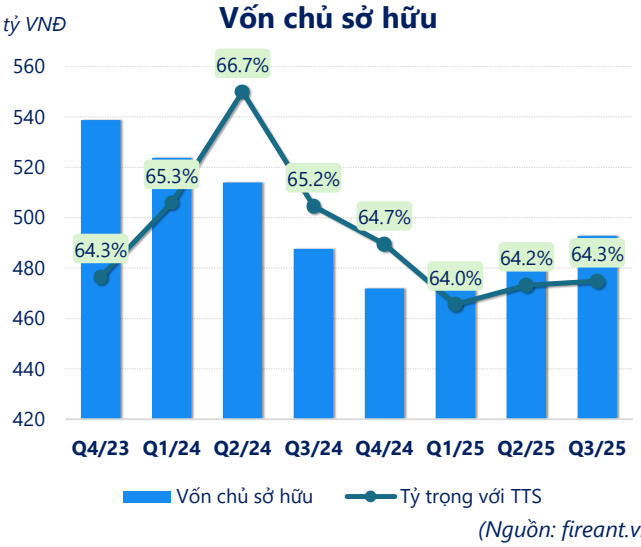
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



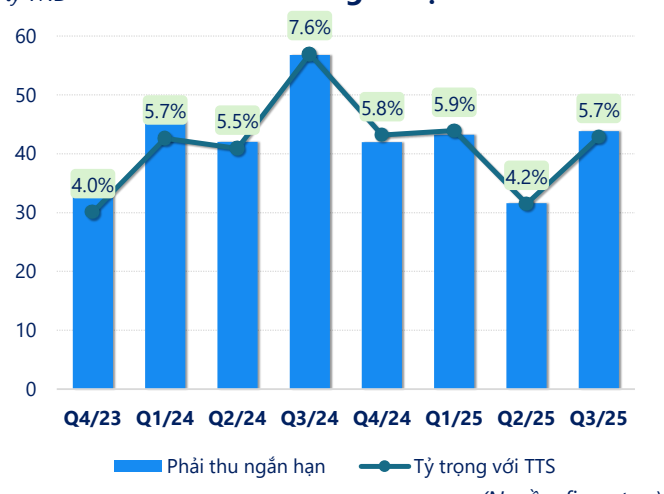
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



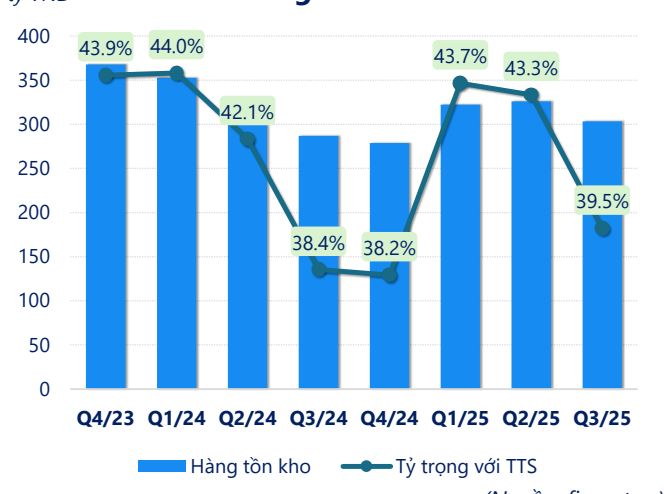
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



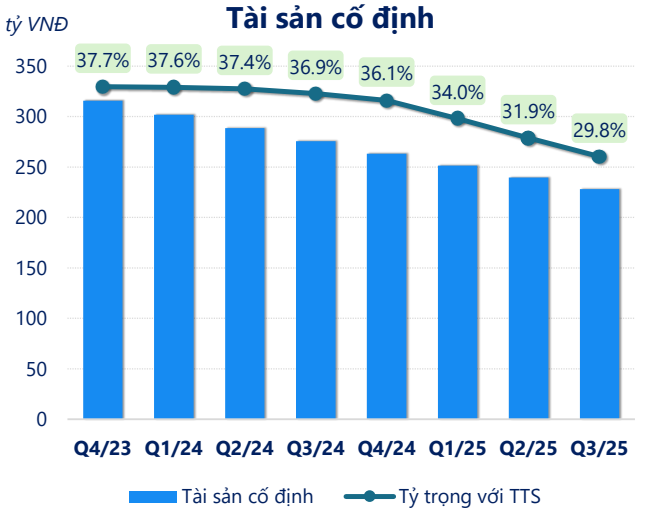
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



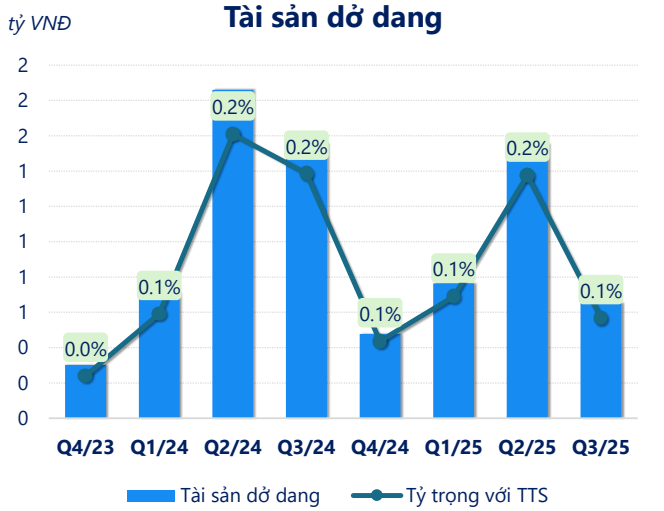
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



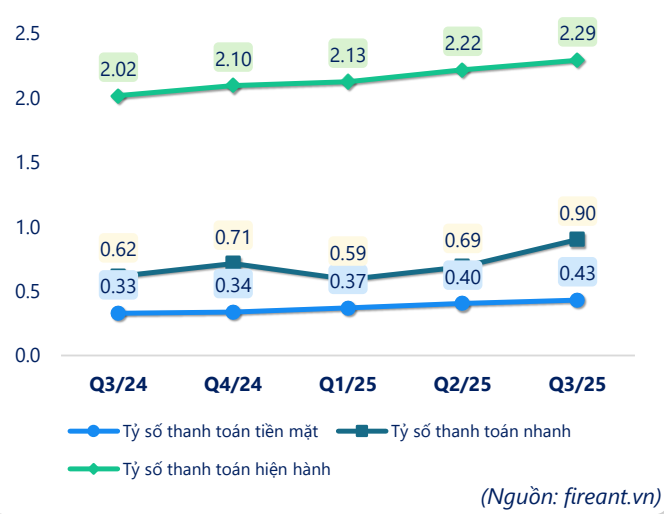
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



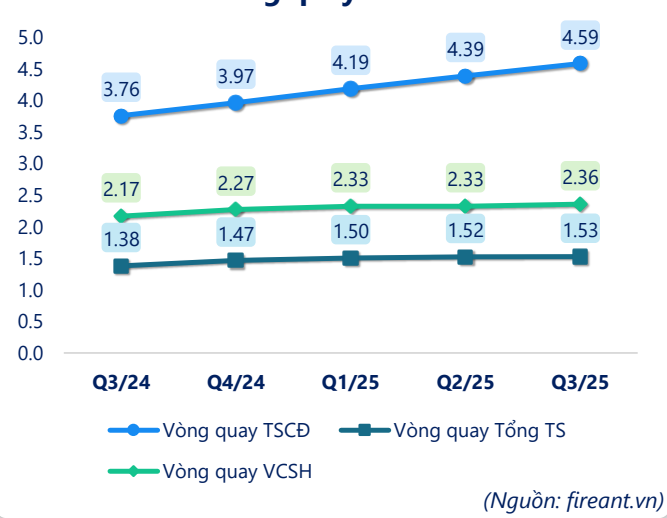
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**748**	**729**	**738**	**752**	**767**
Tài sản ngắn hạn	**413**	**422**	**446**	**473**	**499**
Tiền và tương đương tiền	67.1	68.2	77.8	86.0	93.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	30.1	0	28.2	56.5
Phải thu ngắn hạn	56.8	42.0	43.2	31.6	43.8
Hàng tồn kho	287	279	322	326	303
Tài sản ngắn hạn khác	1.96	3.48	2.86	0.91	2.17
Tài sản dài hạn	**335**	**307**	**292**	**279**	**267**
Phải thu dài hạn	5.83	5.81	5.81	5.81	5.81
Tài sản cố định	276	263	251	240	228
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.55	0.48	0.76	1.55	0.65
Đầu tư tài chính dài hạn	40.3	36.7	33.8	32.2	32.4
Tài sản dài hạn khác	11.4	0.29	0.29	0.33	0.30
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**260**	**257**	**266**	**269**	**274**
Nợ ngắn hạn	**205**	**201**	**210**	**213**	**218**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.1	10.3	28.6	6.92	0
Phải trả người bán ngắn hạn	40.1	57.2	51.4	53.1	46.2
Nợ dài hạn	55.5	55.6	56.2	56.2	56.1
Vay và nợ thuê dài hạn	32.7	32.4	32.4	32.4	32.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**488**	**472**	**472**	**483**	**493**
Vốn chủ sở hữu	**488**	**472**	**472**	**483**	**493**
Vốn điều lệ	250	250	250	250	250
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)